

Số: 01/2025/QĐST - VDS

Ngày: 21 – 8 – 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Sao Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Bùi Phương Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 133/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 7 năm 2025, về việc “Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2025/QĐ-MPH ngày 11 tháng 8 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975; HKTT: 10/B3, khu phố C, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 2007; HKTT: A, khu phố C, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1973; HKTT: khu phố C, Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 20/05/2025, bản tự khai ngày 05/8/2025 và tại phiên họp ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T2 do không có con trai nên nhận nuôi con nuôi là anh Nguyễn Đức T1, sinh ngày 23/02/2007, thường trú: A, khu phố C, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc nuôi con nuôi đã được làm thủ tục hợp pháp đúng quy định của pháp luật vào thời điểm nhận nuôi con nuôi, được thể hiện tại các chứng cứ: Lời khai của người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; theo Quyết định số 39/QĐ.BTXH ngày 24/3/2008 của Trung Tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi tỉnh B và Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 22/QĐ-UBND ngày 20/3/2008 của UBND phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương; Giấy thỏa

thuận về việc cho và nhận con nuôi năm 2008; Biên bản giao nhận con nuôi tại Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi; thời điểm nhận nuôi cháu tên Phạm Vĩnh L, sau khi nhận cháu về nuôi ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T2 thống nhất đổi tên cho cháu là Nguyễn Đức T1, có đăng ký khai sinh theo quy định của pháp luật (Giấy khai sinh số 057, quyển số 01/2007), đăng ký tại UBND phường P, Thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Sau khi làm thủ tục nuôi con nuôi cháu Nguyễn Đức T1 ở cùng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T2. Trong thời gian chung sống hai các bên có thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ nuôi đối với con nuôi và con nuôi với cha mẹ nuôi, không có mâu thuẫn gì. Trong thời gian làm con nuôi anh Nguyễn Đức T1 không có tài sản riêng, không có công lao đóng góp gì vào khối tài sản chung của cha, mẹ nuôi.

Năm 2020, ông T và bà T2 ly hôn theo Quyết định số 706/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Thuận An, theo đó, cháu Nguyễn Đức T1 được giao cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; bà T2 cấp dưỡng nuôi con đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Lý do, mục đích của việc yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi là do anh Nguyễn Đức T1 đã trên 18 tuổi, mong muốn được tự do lo cho cuộc sống của mình, đồng thời anh T1 có nguyện vọng được chấm dứt việc là con nuôi của ông Nguyễn Văn T, muốn không có sự ràng buộc về pháp luật đối với con nuôi, hơn nữa có sự đồng ý, tự nguyện chấm dứt nuôi con nuôi của con nuôi Nguyễn Đức T1.

Tại bản tự khai ngày 05/8/2025, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên họp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự anh Nguyễn Đức T1 trình bày:

Anh Nguyễn Đức T1 là con nuôi chung ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T2 theo Quyết định số 39/QĐ.BTXH ngày 24/3/2008 của Trung Tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi tỉnh B và Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 22/QĐ-UBND ngày 20/3/2008 của UBND phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Nay anh Nguyễn Đức T1 đã trên 18 tuổi, hiện đã đi làm, anh T1 không ở chung cùng ông Nguyễn Văn T nữa. Anh T3 đã nhận được thông báo về việc thụ lý việc dân sự của tòa án, đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc: “*Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa người nhận con nuôi là ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 02/11/1975 và người được nhận nuôi con nuôi là anh Nguyễn Đức T1, sinh ngày 23/02/2007*” thì anh Nguyễn Đức T1 thống nhất, sự việc chấm dứt nuôi con nuôi này cũng là ý muốn của anh T1. Anh T3 không có ý kiến gì khác.

Mẹ nuôi anh Nguyễn Đức T1 là bà Nguyễn Thị T2 và cha nuôi là ông Nguyễn Văn T đã ly hôn theo Quyết định số 706/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, do đó hiện bà T2 không sống chung cùng anh T1 và ông T, sự việc chấm dứt nuôi con nuôi này anh T1 cũng đã thông báo cho bà T2 được biết.

Tại bản tự khai ngày 05/8/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 trình bày:

Bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Văn T có nhận nuôi con nuôi là cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 23/02/2007. Bà T2 thống nhất quá trình nhận nuôi cháu Nguyễn Đức T1 như lời trình bày của ông T. Sau khi làm thủ tục nuôi con nuôi cháu Nguyễn Đức T1 ở cùng ông T và bà T2. Trong thời gian chung sống hai bên có thực

hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ nuôi đối với con nuôi và con nuôi với cha mẹ nuôi, không có mâu thuẫn gì. Trong thời gian làm con nuôi Nguyễn Đức T1 không có tài sản riêng, không có công lao đóng góp gì vào khối tài sản chung của cha, mẹ nuôi. Bà T2 và ông T đã ly hôn theo Quyết định số 706/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Thuận An, theo đó, cháu Nguyễn Đức T1 được giao cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; bà T2 cấp dưỡng nuôi con đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Đối với yêu cầu của ông T về việc yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với anh Nguyễn Đức T1, sinh ngày 23/02/2007 thì bà T2 không có ý kiến gì, toàn bộ do ông T và anh T1 quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và các đương sự: Trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung việc dân sự: Anh Nguyễn Đức T1 được ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T2 nhận nuôi hợp pháp theo Quyết định số 39/QĐ.BTXH ngày 24/3/2008 của Trung Tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi tỉnh B và Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 22/QĐ-UBND ngày 20/3/2008 của Ủy ban nhân dân phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Sau khi nhận nuôi ông T và bà T2 có đăng ký khai sinh khai sinh cho anh Nguyễn Đức T1 theo Giấy khai sinh số 057, quyền số 01/2007 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố T, tỉnh Bình Dương. Như vậy, việc nhận nuôi con nuôi giữa ông T, bà T2 đối với anh Nguyễn Đức T1 là hợp pháp, đúng theo quy định tại Điều 72 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Căn cứ Giấy khai sinh số 057, quyền số 01/2007, anh Nguyễn Đức T1 sinh ngày 23/02/2007, như vậy anh T1 đã đủ 18 tuổi, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T2 và anh Nguyễn Đức T1 đều thống nhất chấm dứt việc nuôi con nuôi, do đó, căn cứ khoản 1 Điều 25 Luật Nuôi con nuôi năm 2010, ông T yêu cầu Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa người nhận con nuôi là ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 02/11/1975 và người được nhận nuôi con nuôi là anh Nguyễn Đức T1, sinh ngày 23/02/2007 là có căn cứ chấp nhận Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét hợp căn cứ Điều 72 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 25 Luật Nuôi con nuôi năm 2010, Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa người nhận con nuôi là ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 02/11/1975 và người được nhận nuôi con nuôi là anh Nguyễn Đức T1, sinh ngày 23/02/2007.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T2 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 –

Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại Điều 10 Luật nuôi con nuôi; khoản 5 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm 1 khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị T2 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt bà T2 là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ.BTXH ngày 24/3/2008 của Trung Tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi tỉnh B, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 22/QĐ-UBND ngày 20/3/2008 của UBND phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương, Giấy thỏa thuận về việc cho và nhận con nuôi năm 2008, Biên bản giao nhận con nuôi tại Trung tâm N có cơ sở xác định anh Nguyễn Đức T1, sinh ngày 23/02/2007 là con nuôi của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T2, được công nhận nuôi con nuôi thực tế kể từ ngày 20/03/2008.

Căn cứ lời khai của ông T, anh T1 và bà T2 xác định được tình tiết từ ngày 20/03/2008 cho đến ngày nay thì ông T và bà T2 đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của cha mẹ nuôi đối với con nuôi.

Căn cứ khoản 1 Điều 20 của Bộ luật dân sự 2015, theo Giấy khai sinh số 057, quyền số 01/2007 của UBND phường P, Thành phố T, tỉnh Bình Dương có căn cứ xác định anh Nguyễn Đức T1, sinh ngày 23/02/2007 là người thành niên.

Quá trình tố tụng và tại phiên họp ông Nguyễn Văn T xác định việc làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với anh Nguyễn Đức T1 là hoàn toàn tự nguyện. Lý do, mục đích của việc yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi là do anh Nguyễn Đức T1 đã trên 18 tuổi, mong muốn được tự do lo cho cuộc sống của mình, đồng thời anh T1 có nguyện vọng được chấm dứt việc là con nuôi của ông Nguyễn Văn T, muốn không có sự ràng buộc về pháp luật đối với con nuôi, hơn nữa có sự đồng ý, tự nguyện chấm dứt nuôi con nuôi của anh Nguyễn Đức T1.

Từ các nhận định trên xét thấy: Lời trình bày của người yêu cầu phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, phù hợp với lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Căn cứ Điều 25, 26, 27 của Luật nuôi con nuôi, Điều 78 Luật Hôn nhân và gia đình, ông T yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với anh Nguyễn Đức T1 là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về dân sự theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 227, 361, 370, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 10, khoản 1 Điều 25, 26, 27 của Luật Nuôi con nuôi năm 2010; Điều 78 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyến bố chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa người nhận con nuôi là ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 02/11/1975 và người được nhận nuôi con nuôi là anh Nguyễn Đức T1, sinh ngày 23/02/2007.

Quyền và nghĩa vụ giữa cha nuôi ông Nguyễn Văn T với con nuôi anh Nguyễn Đức T1 chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Lệ phí giải quyết sơ thẩm việc dân sự: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004424 ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Các đương sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết theo quy định.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Tuyết Ánh